

Bản án số: 95/2020/HS-ST

Ngày: 25-11-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Luật.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng.

Bà Đỗ Thị A.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Ông Phan Trần Vĩnh Phúc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 tháng 11 năm 2020 và 25 tháng 11 năm 2020 (tuyên án) tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 82/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/Phạm Hoàng V; sinh năm: 1991 tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã A, huyện B, tỉnh Bình Dương; nơi ở: Không có nơi ở nhất định; nghề nghiệp: Sửa xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn Q và bà: Đào Thị N; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt giữ ngày: 23/7/2020.

2/Nguyễn Vũ An T; sinh năm: 1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: Lô M2 Chung cư T, Phường I, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Vũ An T và bà: Vũ Hồng N; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt giữ ngày: 13/8/2020.

(Các bị cáo có mặt).

- Bị hại:

Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V.

Địa chỉ: Tòa nhà R – đường Đ, Phường P, Quận K, TP.HCM.

Người đại diện hợp pháp:

Ông Trần Minh T – Sinh năm: 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Chung cư B, phường B, Quận H, TP.HCM.

(Là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Công an Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Địa chỉ: 258 đường Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM.

2/ Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Địa chỉ: 63 đường Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.

3/ Công an tỉnh An Giang (vắng mặt).

Địa chỉ: 07 đường Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

4/ Công an tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

Địa chỉ: 08 đường Lý Thường Kiệt, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

5/ Sở Giao thông vận tải tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

Địa chỉ: 1190 đường Nguyễn Trung Trực, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

6/ Bà Đào Thị N – Sinh năm: 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã A, huyện B, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài nên Phạm Hoàng V gặp và rủ Nguyễn Vũ An T tham gia làm giả giấy tờ Chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe (hình ảnh của T, nhưng thông tin tên họ, địa chỉ không có thật và những thông tin để thực hiện

mua hàng trả góp do V nghĩ và dàn dựng ra), các giấy tờ giả này có thể V trực tiếp làm hoặc T trực tiếp đi làm nhưng phải thông qua V; sau đó V chuẩn bị thông tin hồ sơ và T sử dụng các giấy tờ giả này để làm hồ sơ vay tiền của các Công ty tài chính và mua điện thoại di động (dưới hình thức trả góp) tại các cửa hàng bán điện thoại di động trên địa bàn Quận 10; sau đó không thực hiện nghĩa vụ trả tiền và chiếm đoạt tiền vay trả góp của các Công ty tài chính (không thực hiện nghĩa vụ trả tiền, đồng thời các tổ chức tín dụng không thể thu hồi lại tiền đã cho vay; do đối tượng vay đều dùng các thông tin giả, không có thật); sau khi T nhận được điện thoại từ cửa hàng đưa lại cho V thì được V chia số tiền từ 1.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng, tùy theo giá trị từng chiếc điện thoại. T đồng ý cùng tham gia.

Từ ngày 23/11/2018 đến ngày 12/01/2019, V và T đã bàn nhau và 03 lần thuê người làm giả chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe hạng A1, sau đó sử dụng giấy tờ giả này làm hồ sơ vay tiền của Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V (viết tắt là V FC) để mua điện thoại di động trả góp tại 03 cửa hàng bán điện thoại di động trên địa bàn Quận 10, từ đó chiếm đoạt các khoản tiền vay trả góp tương ứng đối với từng chiếc điện thoại cụ thể:

Lần 1: Ngày 23/11/2018, T sử dụng Chứng minh nhân dân giả (hình dấu Công an tỉnh An Giang) và Giấy phép lái xe giả (hình dấu của Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh) cùng mang tên Nguyễn Tiến T (địa chỉ là ấp L, xã V, C, tỉnh An Giang) làm hồ sơ vay tiền của V FC (các giấy tờ trên đã được nhân viên của V FC chụp nguyên bản màu thật của các giấy tờ, lưu vào trong hồ sơ vay tiền) để mua 01 điện thoại di động hiệu iPhone X của Cửa hàng điện thoại di động Minh T Mobile - địa chỉ đường L, phường I, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 17.880.000 đồng; V đưa cho T 6.000.000 đồng để trả trước cho cửa hàng Minh T Mobile; ngày 29/11/2018, V FC đã giải ngân cho cửa hàng Minh T Mobile 11.880.000 đồng; sau khi T nhận được điện thoại từ cửa hàng và đưa cho V thì được V chia lại 1.500.000 đồng. V khai đã bán điện thoại này cho một người ở trên mạng thu lợi được 9.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết; như vậy, V và T đã chiếm đoạt số tiền 11.880.000 đồng.

Lần 2: Ngày 20/12/2018, T sử dụng Chứng minh nhân dân (hình dấu Công an tỉnh Kiên Giang) và Giấy phép lái xe (hình dấu của Sở Giao thông vận tải tỉnh Kiên Giang) giả mang tên Phạm Văn T (địa chỉ: Ấp C, xã Đ, M, tỉnh Kiên Giang) làm hồ sơ vay tiền của V FC (các giấy tờ trên đã được nhân viên của V FC chụp nguyên bản màu thật các giấy tờ, lưu vào trong hồ sơ vay tiền) để mua 01 điện thoại di động hiệu iPhone XS Max của Hộ kinh doanh điện thoại di động T Mobile - địa chỉ đường L, phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 28.590.000 đồng; V đưa cho T 11.000.000 đồng để trả trước cho cửa

hàng T Mobile; ngày 24/12/2018, V FC đã giải ngân cho cửa hàng T Mobile số tiền 17.590.000 đồng; sau khi T nhận được điện thoại từ cửa hàng và đưa cho V thì được V chia lại 3.000.000 đồng. V khai đã bán cho một người ở trên mạng facebook được khoảng 16.000.000 đồng hoặc 17.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết; như vậy, V và T đã chiếm đoạt số tiền 17.590.000 đồng.

Lần 3: Khoảng 12 giờ 00 ngày 12/01/2019, T điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Vario, biển số: 50N1-641.66 đến cửa hàng B Mobile, địa chỉ: đường L, phường I, Quận M sử dụng giấy Chứng minh nhân dân (hình dấu Công an Thành phố Hồ Chí Minh) và Giấy phép lái xe (hình dấu của Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh) giả mang tên Trần Quang M (sinh năm 1992, địa chỉ: X đường S, phường S, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh) làm hồ sơ vay tiền của V FC (các giấy tờ trên đã được nhân viên của V FC chụp nguyên bản màu thật các giấy tờ lưu vào trong hồ sơ vay tiền) để mua điện thoại di động trả góp hiệu iPhone XS Max của cửa hàng với giá 28.390.000 đồng; sau khi được cửa hàng B Mobile thông báo số tiền phải trả trước là 12.500.000 đồng, T nhắn tin báo cho V biết và mang tiền đến cửa hàng đưa cho T để trả cho cửa hàng; V FC đã giải ngân cho cửa hàng B Mobile số tiền 15.990.000 đồng; sau khi T nhận được điện thoại từ cửa hàng và bỏ đi ra ngoài giao cho V thì bị ông Trần Minh Thoại (nhân viên của V FC) phát hiện các giấy tờ trên là giả, nên mời về trụ sở Công an phường 1, Quận 10 để làm việc. Sau đó V cũng bị mời về trụ sở Công an phường 1, Quận 10. Như vậy, V và T đã chiếm đoạt số tiền 15.990.000 đồng.

Vụ việc được Công an Phường 1, Quận 10 lập hồ sơ ban đầu; sau đó chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 điều tra, làm rõ.

Ngoài ra, cơ quan Công an còn tạm giữ: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 023349, tên chủ xe Nguyễn Ngọc Anh T, địa chỉ Y đường C, phường T, quận B, cấp ngày 27/8/2018, 01 chiếc mô tô hiệu HONDA - VARIO biển số xe 50N1-641.66.

Tiến hành khám xét nơi ở của Phạm Hoàng V, thu giữ: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 69K1-267.89 và 01 biển số xe 69K1-267.89

Quá trình điều tra: V và T khai nhận hành vi làm giả giấy tờ, sử dụng giấy tờ giả, vay tiền của V FC để mua điện thoại di động theo hình thức trả góp, sau đó không thực hiện nghĩa vụ trả tiền và nhằm để chiếm đoạt tiền vay của V FC. Về việc làm giấy tờ giả: T khai cung cấp hình ảnh của T cho V bằng cách gửi qua tin nhắn trong ứng dụng phần mềm Zalo có tên tài khoản là “Cút chiên bơ”, sau đó V thuê ai làm thì T không biết; về phía V khai nhận thuê một người trên mạng facebook tên Tuấn (V lưu tên trong danh bạ Viber là “Tuấn giai”) làm giả giấy tờ mang tên Trần Quang M (lần 3) với giá 1.600.000 đồng, sau đó V thuê

dịch vụ giao hàng của Grab để giao qua cho T; đối với các giấy tờ mang tên Nguyễn Tiến T và Phạm Văn T (lần 1, lần 2) là do Nguyễn Vũ An T thông báo cho V và sau đó trực tiếp cung cấp hình ảnh và đưa cho 01 đối tượng (không rõ lai lịch) làm giả.

Đối với các vật chứng: 01 giấy chứng minh nhân dân số 021153960 và 01 giấy phép lái xe số 790146977949 cùng mang trên Trần Quang M, sinh ngày 24/10/1992, HKTT: X đường S, phường S, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 023349, tên chủ xe Nguyễn Ngọc Anh T, địa chỉ Y đường C, phường T, quận B, cấp ngày 27/8/2018, 01 biển số xe 50N1-641.66. Tại kết luận giám định số 507/KLGD ngày 13/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Quang M và 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Ngọc Anh T, biển số 50N1-641.66 là giả.

Đối với các thông tin về họ và tên (Phạm Văn T, địa chỉ: Ấp C, xã Đ, M, tỉnh Kiên Giang; Nguyễn Tiến T, địa chỉ: Ấp L, xã V, C, tỉnh An Giang); qua xác minh là không có trên thực tế; các cơ quan (Công an tỉnh Kiên Giang, An Giang, Thành phố Hồ Chí Minh và Sở giao thông vận tải tỉnh Kiên Giang, Thành phố Hồ Chí Minh đều xác định nội dung, hình thức các giấy tờ (Chứng minh nhân dân, Giấy phép lái xe) là giả, không do các cơ quan đó phát hành.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã quyết định khởi tố điều tra đối với Phạm Hoàng V, Nguyễn Vũ An T về các tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Đối với 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Ngọc Anh T, biển số 50N1-641.66; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 69K1-267.89 và 01 biển số xe 69K1-267.89: V khai mua trên mạng xã hội, rồi cho T mượn biển số 50N1-641.66 gắn vào xe của T để sử dụng. Qua xác minh, biển số trên do chị Nguyễn Ngọc Anh T đứng tên đăng ký. Chị Thư cho biết, chiếc xe có biển số 50N1-641.66 sử dụng xe trên từ khi mua đến nay không bị mất biển số và giấy đăng ký xe.

Riêng đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 69K1-267.89 và 01 biển số xe 69K1-267.89, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã có quyết định trưng cầu giám định, đến nay vẫn chưa có kết quả trả lời; 02 thẻ tín dụng FE Credit và 01 thẻ VPBank tạm giữ của T, theo T khai của một người tên Trung (không rõ lai lịch) đưa T giữ dùm, T không biết nguồn gốc 03 thẻ trên; cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã tách ra một vụ việc riêng khác để xử lý theo thẩm quyền.

Ngoài ra, cơ quan Công an còn tạm giữ: 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max 64Gb-Gold, số IMEI: 358747091443907 (là điện thoại mà T vừa mua được của cửa hàng cửa hàng B Mobile); 01 điện thoại di động hiệu J1 màu vàng, số IMEI 1: 355231081775464 (là điện thoại mà T sử dụng vào việc thực hiện tội phạm); số IMEI 2: 35532081775462; 01 điện thoại di động hiệu J7 màu nâu, số IMEI 1: 358860083360565; số IMEI 2: 358861083360563 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh – xám (là điện thoại cá nhân của T, không sử dụng vào việc thực hiện tội phạm); 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu đen, số IMEI 1: 357156080231300 (là điện thoại mà V sử dụng vào việc thực hiện tội phạm); 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu đen, số IMEI 1: 352003098577214/01; số IMEI 2: 352003098577214/01 (là điện thoại cá nhân của V, không sử dụng vào việc thực hiện tội phạm); số tiền 50.000.000 đồng (trong đó: 25.000.000 đồng do Nguyễn Vũ An T tự nguyện giao nộp, 25.000.000 đồng do bà Đào Thị N – mẹ của Phạm Hoàng V tự nguyện giao nộp do sự tác động của V).

Đối với các tài sản, đồ vật không liên quan vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã trả lại cho chủ sở hữu hoặc chuyển đến Cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/8/2020, V FC tiếp tục có đơn gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 để tố cáo Phạm Hoàng V có 01 lần sử dụng giấy Chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe giả mang tên Nguyễn Trung M (hình ảnh của V nhưng họ và tên, địa chỉ không có thật) và Nguyễn Vũ An T có 03 lần sử dụng Chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe giả mang tên Hồ Thanh V, Lê Thành D và Phạm Văn T (hình ảnh của T nhưng họ và tên, địa chỉ không có thật) làm thủ tục vay tiền của Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V để mua các xe máy trả góp của các cửa hàng trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Trong đó, chiếc xe gắn máy hiệu HONDA - VARIO do T sử dụng ngày 12/01/2019 là một trong các xe máy nêu trên. Xét thấy vụ việc thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã có Phiếu chuyển số 786 ngày 14/8/2020 chuyển đơn và vật chứng nêu trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương để thụ lý, điều tra theo thẩm quyền.

Riêng đối tượng tên T (không rõ lai lịch, địa chỉ), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 tiếp tục truy xét, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Tại Cáo trạng truy tố số 82/CT-VKS ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Phạm Hoàng V, Nguyễn Vũ An T về các tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 341 và khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

(Nội dung truy tố: Phạm Hoàng V và Nguyễn Vũ An T đã có hành vi 03 lần làm giả chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe, sử dụng giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe giả vay tiền của Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V để mua điện thoại di động theo hình thức trả góp. Sau đó, không trả góp hàng tháng nhằm chiếm đoạt số tiền 45.460.000 đồng của Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V)

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án; về phía bị hại vẫn giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra và yêu cầu các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 45.460.000 đồng và không còn yêu cầu gì khác trong vụ án này.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, bị hại, những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (phạm tội 02 lần trở lên) và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo tự nguyện nộp hoặc đã tác động gia đình tự nguyện nộp tiền bồi thường, khắc phục hậu quả đối với bị hại) của từng bị cáo; do vậy đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; khoản 1 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, b khoản 1 Điều 51 và Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) tương ứng đối với từng bị cáo, cụ thể đề nghị xử phạt:

Phạm Hoàng V: Từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình chung từ 04 năm đến 05 năm 06 tháng tù, miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Nguyễn Vũ An T: Từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình chung từ 04 năm đến 05 năm 06 tháng tù, miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Ý kiến của bị cáo V: Không có ý kiến gì tranh luận, đề nghị giao trả 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max 64Gb-Gold cho bị cáo Nguyễn Vũ An T và không có yêu cầu gì nữa về việc bồi thường thiệt hại.

- Ý kiến của bị cáo T: Không có ý kiến gì tranh luận và không có yêu cầu gì nữa về việc bồi thường thiệt hại.

- Ý kiến của bà N: Không có yêu cầu gì về việc bồi thường thiệt hại.

- Ý kiến của bị hại: Đề nghị nhận lại số tiền 45.460.000 đồng và không có ý kiến gì.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà các bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn T tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình, qua lời khai nhận của các bị cáo, đối chiếu với lời khai của bị hại, vật chứng và tài liệu thu giữ được, bản ảnh vật chứng thu giữ, nội dung ghi hình camera, bản kết luận giám định, người làm chứng, thông tin cung

cấp của các cơ quan bị làm giả con dấu, tài liệu, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án là phù hợp, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định:

Các bị cáo Phạm Hoàng V, Nguyễn Vũ An T đã thống nhất ý chí hành động thực hiện hành vi “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” (06 tài liệu, con dấu giả); đồng thời sau khi có các tài liệu, con dấu giả thì các bị cáo đã thống nhất ý chí sử dụng các tài liệu, con dấu giả này để thực hiện hành vi trái pháp luật: Dùng thủ đoạn gian dối, thực hiện giao kết hợp đồng mua bán trả góp các điện thoại với Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V, nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền vay trả góp tương ứng với từng chiếc điện thoại (các bị cáo không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đồng thời với thông tin giả dối tượng vay như đã nêu trên thì tổ chức tín dụng cũng không có cơ sở để thu hồi các khoản tiền đã cho vay theo quy định pháp luật), tổng số tiền vay bị chiếm đoạt tổng cộng là 45.460.000 đồng; nên các bị cáo bị truy tố và xét xử về các tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341, khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Các hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, quyền sở hữu tài sản của tổ chức mà còn xâm phạm đến trật tự an T xã hội. Trong vụ án này, bị cáo V là người khởi xướng và đề ra nội dung thực hiện, trực tiếp làm giả tài liệu con dấu, tài liệu và hưởng lợi nhiều hơn; còn bị cáo T trực tiếp làm giả con dấu, tài liệu, trực tiếp thực hiện giao kết hợp đồng vay tài sản để lấy các điện thoại và bàn giao lại cho V, hưởng lợi ít hơn. Do vậy hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải bị xử phạt nghiêm minh bằng luật hình với mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, cụ thể cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục các bị cáo thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương; ngoài ra căn cứ vào Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt, buộc từng bị cáo phải chấp hành hình phạt chung tương ứng của các tội phạm theo quy định pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng: Xét thấy đối với các hành vi tội phạm mà các bị cáo thực hiện đều từ 02 lần trở lên (mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm tương ứng); nên các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tình tiết giảm nhẹ: Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo (tự nguyện trực tiếp nộp hoặc tác động gia đình tự nguyện nộp: 25.000.000 đồng/bị cáo để khắc phục bồi thường cho bị hại), bị cáo V (gia đình có truyền thống cách mạng, có thành viên được Nhà nước tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý và công nhận Liệt sỹ); do vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, b khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) tương ứng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt và lượng hình thích hợp đối với từng bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự:

Tài sản chiếm đoạt là tổng số tiền 45.460.000 đồng, phía bị hại chỉ yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền này và không còn yêu cầu gì khác; xét thấy các bị cáo và gia đình đã tự nguyện nộp lại số tiền tổng cộng 50.000.000 đồng (25.000.000 đồng/bị cáo) và Công an Quận 10 đã tạm giữ; do vậy căn cứ vào Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) trả lại cho Công ty TNHH MTV Ngân hàng V số tiền 45.460.000 đồng.

Đối với số tiền còn lại: $50.000.000 \text{ đồng} - 45.460.000 \text{ đồng} = 4.540.000 \text{ đồng}$; là tài sản cá nhân của bị cáo T và bà Nguyệt, không liên quan gì đến vụ án; nên xem xét giao trả lại cho bà Đào Thị N, bị cáo Nguyễn Vũ An T (mỗi người $\frac{1}{2}$ số tiền này): $4.540.000 \text{ đồng} : 2 = 2.270.000 \text{ đồng}$.

Về xử lý vật chứng:

Đối với: 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max 64Gb-Gold (số Imei: 358747091443907), là điện thoại mà Nguyễn Vũ An T vừa mua được của cửa hàng B Mobile và có vay trả góp của Công ty TNHH MTV Ngân hàng V, hiện nay phía các bị cáo (V, T) đã nộp tiền trả khoản tiền vay (mua trả góp chiếc điện thoại trên) cho phía Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V, nên thuộc về tài sản cá nhân của các bị cáo, phía các bên tham gia bồi thường, khắc phục hậu quả không có yêu cầu gì, đồng thời phía bị cáo V cũng đồng ý giao chiếc điện thoại trên cho bị cáo T quản lý (do bị cáo T được hưởng lợi nhiều hơn trong các lần chiếm đoạt nhưng khi khắc phục thiệt hại trong T bộ vụ án thì số tiền bị cáo T khắc phục thiệt hại bằng bị cáo V); do vậy Hội đồng xét xử giao trả chiếc điện thoại trên cho bị cáo Nguyễn Vũ An T.

Đối với: 01 điện thoại di động hiệu J1 màu vàng (số Imei 1: 355231081775464, số Imei 2: 35532081775462), 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen (số Imei 1: 357156080231300); là các điện thoại mà các bị cáo sử dụng vào việc thực hiện tội phạm; vậy căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với: 01 giấy chứng minh nhân dân số 021153960 và 01 Giấy phép lái xe số 790146977949 cùng mang tên Trương Quang M (sinh ngày 24/10/1992, HKTT: Y đường S, phường S, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh) là các tài liệu liên quan đến vụ án; do vậy căn cứ vào Điều 105 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, lưu giữ các tài liệu này vào trong hồ sơ vụ án.

Đối với: 01 điện thoại di động hiệu J7 màu nâu (số Imei 1: 358860083360565; số Imei 2: 358861083360563), 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh – xám (tạm giữ từ Nguyễn Vũ An T), 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen (số Imei 1: 352003098577214/01, số Imei 2: 352003098577214/01 (tạm giữ từ Phạm Hoàng V); quá trình điều tra xác định đây là các điện thoại cá nhân của các bị cáo, không sử dụng vào việc thực hiện tội phạm, do vậy Hội đồng xét xử xem xét tương ứng giao trả lại cho từng bị cáo.

Riêng đối với 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe của xe mô tô biển số 50N1-641.66 mang tên Nguyễn Ngọc Anh T (địa chỉ: Y đường C, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh) số 023349 cấp ngày 27/8/2018, 01 biển số 50N1-641.66; qua giám định là giả; nhưng chưa có cơ sở xác định các bị cáo sử dụng các tài liệu, con dấu giả nêu trên để thực hiện hành vi trái pháp luật, nên hành vi “Mua và cất giữ các giấy tờ giả” chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017); do vậy, chuyển giao cho Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử lý theo thẩm quyền hành chính.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Hoàng V, Nguyễn Vũ An T phạm các tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 341; khoản 1 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phạm Hoàng V;

Xử phạt bị cáo Phạm Hoàng V 03 (ba) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tổng hợp

hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là: 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/7/2020.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo V.

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 341; khoản 1 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Vũ An T;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ An T 03 (ba) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, 01 (một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là: 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/8/2020.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

- Căn cứ vào Điều 105 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, lưu giữ các tài liệu sau đây vào trong hồ sơ vụ án: 01 giấy chứng minh nhân dân số 021153960 và 01 Giấy phép lái xe số 790146977949 cùng mang tên Trương Quang M (sinh ngày 24/10/1992, HKTT: Y đường S, phường S, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu J1 màu vàng (số Imei 1: 355231081775464, số Imei 2: 35532081775462), 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen (số Imei 1: 357156080231300).

- Căn cứ vào Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) trả lại cho Công ty TNHH MTV Ngân hàng V số tiền 45.460.000 (bốn mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi ngàn) đồng.

- Giao trả các tài sản cho các chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp, cụ thể:

* Bị cáo Phạm Hoàng V: 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen (số Imei 1: 352003098577214/01, số Imei 2: 352003098577214/01).

* Nguyễn Vũ An T: 2.270.000 (hai triệu hai trăm bảy mươi ngàn) đồng, 01 điện thoại di động hiệu J7 màu nâu (số Imei 1: 358860083360565; số Imei 2: 358861083360563), 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh – xám, 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max 64Gb-Gold (số Imei: 358747091443907).

* Bà Đào Thị Nguyệt: 2.270.000 (hai triệu hai trăm bảy mươi ngàn) đồng.

- Chuyển giao cho Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử lý theo thẩm quyền hành chính: 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe của xe mô tô biển số 50N1-641.66 mang tên Nguyễn Ngọc Anh T (địa chỉ: Y đường C, phường T,

quận B, Thành phố Hồ Chí Minh) số 023349 cấp ngày 27/8/2018, 01 biên số 50N1-641.66.

(Tình trạng vật chứng, tài sản theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05/10/2020 giữa Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thi hành dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc:

- Bị cáo V chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

- Bị cáo T chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày tuyên án; đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày được giao hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND Q.10; (4)
- Công an Q.10; (2)
- Chi cục THADS Q.10; (1)
- Người tham gia tố tụng; (9)
- Lưu: VP, THAHS, Hồ sơ. (8)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Triệu Luật